

Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản 10 năm (1981 – 1990) và một vài suy nghĩ về công tác xây dựng giai đoạn (1991 – 1995)

KS. NGUYỄN ĐỨC CÔNG
KS. NGUYỄN QUÍ CHỈ
Vụ Kế hoạch – Tài vụ

Lưới trạm khí tượng thủy văn (KTTV) có lịch sử phát triển qua nhiều thời kỳ khác nhau, kể từ năm 1902 đến nay.

Công trình nhà trạm, thiết bị không những cũ, mà còn lạc hậu so với các nước phát triển, cần được cải thiện để đảm bảo dung lượng và chất lượng điều tra cơ bản.

I – TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN TRẠM KTTV TỪ 1902 ĐẾN 1980

Cùng với sự phát triển kinh tế và khoa học kỹ thuật, trạm khí tượng thủy văn cũng được phát triển để đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, thiết kế xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng.

Theo số liệu lưu lại, số lượng trạm KTTV phát triển qua các thập niên như sau:

Năm 1902	có: 8 trạm
Đến năm 1930	có: 29 –
– 1940	có: 54 –
– 1950	có: 57 –
– 1960	có: 149 –
– 1970	có: 249 –
– 1980	có: 400 –

Lưới trạm được phát triển mạnh vào hai thời kỳ: từ 1955 đến 1964 chiếm tỷ lệ 42,4% và từ 1972 đến 1980 chiếm tỷ lệ 35,6%.

Thời kỳ phát triển mạnh cũng là thời kỳ xây dựng cơ sở vật chất nhanh. Những công trình xây dựng trong thời kỳ này, phần lớn không kiên cố, không đồng bộ do điều kiện kinh tế xã hội lúc bấy giờ (Hình 1).

II – HIỆN TRẠNG MẠNG LƯỚI TRẠM KTTV

Trải qua thời gian sử dụng từ 15 đến 30 năm, chịu tác động mạnh mẽ của điều kiện thiên tai, địch họa, nhiều trạm đã phải xây dựng lại tới 3 – 4 lần mà đến nay vẫn rách nát.

Loại nhà chiếm phần lớn trên mạng lưới là nhà tranh, tre, nứa, lá, nhà cấp 3 – cấp 4 lợp ngói đã hết niên hạn, cả biệt còn một số trạm chưa có nhà chưa có công trình ổn định.

Đối với công trình đo, vườn quan trắc, ở nhiều trạm không đạt yêu cầu kỹ thuật như: vườn khí tượng không có hàng rào, hoặc có mệ không hoàn chỉnh, dây chằng cột gió ban rĩ v.v. Thuyền, ca – nô, cáp treo thuyền, câu đo ... hỏng nặng. Tình trạng các trạm khí tượng bị lấn đất do không được bảo vệ, làm cho các yêu cầu kỹ thuật bị vi phạm, thậm chí, có nơi dân làm nhà bịt kín đường vào trạm, Tình hình đó, dẫn đến yêu cầu phải đầu tư xây tường rào phân khu đất đai của trạm, thay cho trước đây dùng rào cây xanh,

Trong bảng 1 trình bày số liệu so sánh hiện trạng lưới trạm vào thời kỳ năm 1986 là năm bắt đầu thực hiện chương trình mục tiêu « Đảm bảo dung lượng và chất lượng điều tra cơ bản » với tình trạng hiện nay.

Bảng 1 – Hiện trạng lưới trạm 1986–1990

Số thứ tự	Hiện trạng của trạm	Năm 1986		Hiện nay	
		Số lượng	%	Số lượng	%
1	Nhà, và công trình chuyên môn tương đối tốt	96	24,3	170	43
2	Nhà hết hạn sử dụng công trình chuyên môn còn tốt	175	44,3	142	36
3	Nhà, và công trình chuyên môn phải xây dựng lại	113	21,6	72	18,2
4	Nhà trạm chưa có	11	2,8	11	2

Trong 5 năm 1986 – 1990, tuy đã có sự quan tâm đầu tư, có sự nỗ lực xây dựng của các Đại KTTV, bình quân mỗi năm cũng chỉ có 15 đến 20 trạm được xây dựng tương đối hoàn chỉnh. Với tốc độ, đầu tư về xây dựng như vậy, thì đến cuối năm 1992 không đạt được mục tiêu của chương trình đảm bảo dung lượng chất lượng ĐTCB về mặt củng cố lưới trạm.

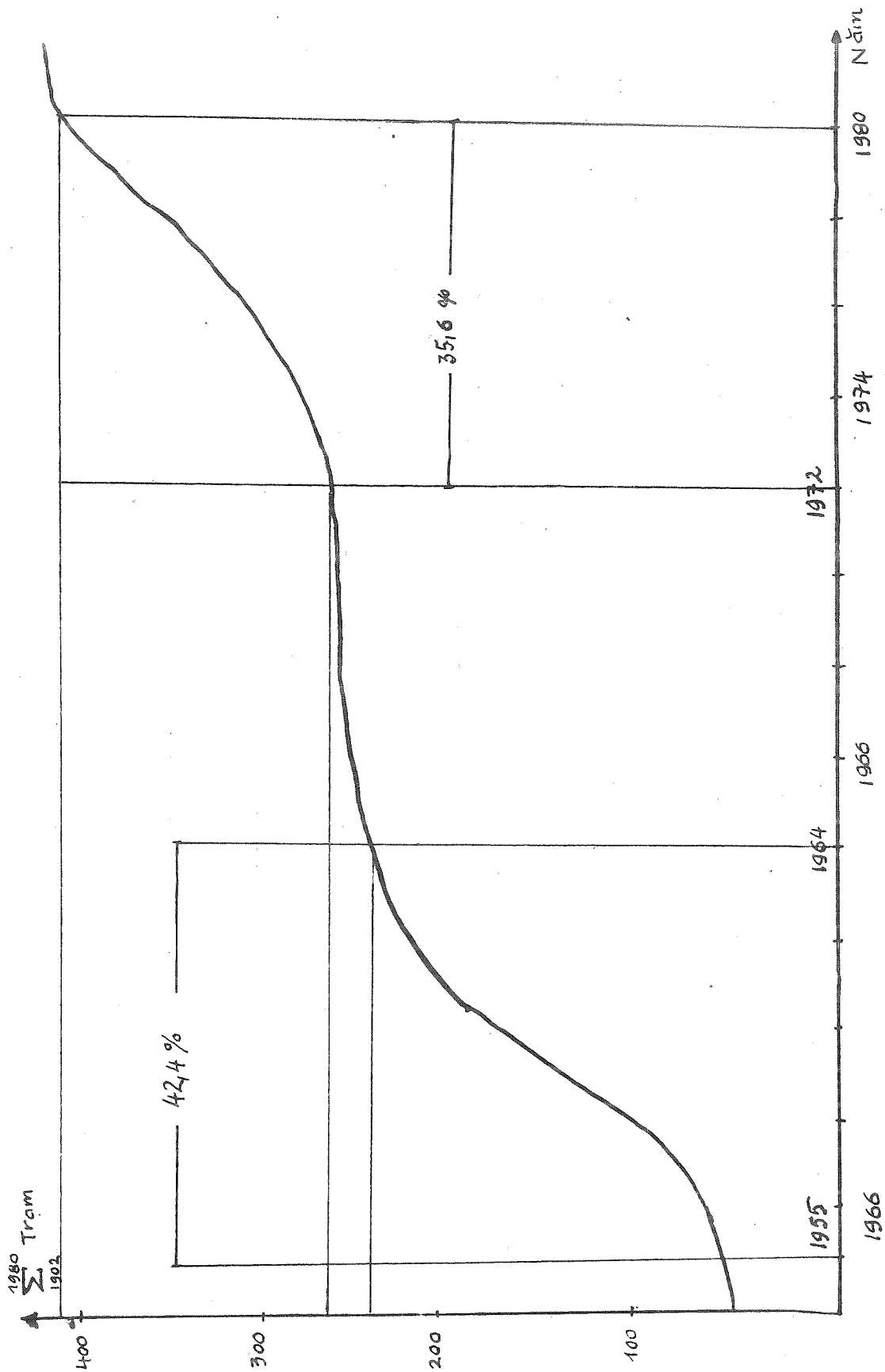
II – TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRẠM KTTV

1. Những việc đã làm và kết quả đạt được

Đã triển khai những biện pháp thực hiện các nội dung của chương trình « Đảm bảo dung lượng, chất lượng ĐTCB » về mặt củng cố, xây dựng trạm, cụ thể là:

a) Qua nhiều năm nghiên cứu và nhiều lần tổ chức hội thảo, Hội đồng khoa học – kỹ thuật Tổng cục đã xem xét, thông qua đề nghị phê duyệt bản qui hoạch lưới trạm KTTV.

Ngày 1–IV–1987, Tổng cục trưởng đã ký quyết định công bố bản qui hoạch lưới trạm KTTV.



Hình 1 — Đường lũy tích sự phát triển mạng lưới trắm

b) Căn cứ vào bản qui hoạch đã công bố, phân loại trạm, sắp xếp đề ưu tiên đầu tư, thể hiện trong kế hoạch 5 năm 1986-1990 và trong kế hoạch hàng năm.

c) Xây dựng luận chứng kinh tế kỹ thuật của dự án, củng cố lưới trạm KTTV được phê duyệt tại văn bản số 277 KH/KTTV ngày 9-XII-1989. Trong đó đã phân lưới trạm thành 4 loại trạm có qui mô khác nhau. Mỗi loại trạm đã có luận chứng KTTV riêng được phê duyệt. Đang xây dựng thiết kế mẫu cho từng loại trạm. Năm 1989-1990 đã triển khai một số trạm theo mẫu để rút kinh nghiệm, sửa chữa trước khi xây dựng đại trà vào năm 1991-1995.

2. Tình hình đầu tư để xây dựng trạm

Trong 5 năm qua, giá cả luôn biến động. Giá trị khối lượng hàng năm không thể so sánh được, vì vậy trong bảng 2 và hình 2 trình bày tỉ lệ đầu tư cho các loại công trình trong 10 năm 1981-1990.

Bảng 2 - Tỷ lệ đầu tư cho các loại công trình XDCB (P%) 1980 - 1990

Năm	Tỷ trọng XDCB trong ngân sách KTTV (%)	Tỉ lệ đầu tư (%)				Số công trình được đầu tư		
		Trạm KTTV (P1)	Cơ sở VP Đài (P2)	Thiết bị lẻ (P3)	Công trình khác P4	Trạm KTTV	Cơ sở VP Đài	Đơn vị nhận thiết bị lẻ
1981	10,3	52,3	12,4	3,7	31,6	13	5	4
1982	20,6	12,6	30,6	2,9	53,9	5	3	1
1983	21,7	17,3	35,4	0	47,3	5	5	0
1984	30,6	14,9	28,3	2,6	54,2	7	7	2
1985	54,2	17,3	23,5	26,3	32,9	10	7	20
1986	32,4	30,9	8,0	34,8	26,3	18	3	30
1987	32,4	25,6	33,3	26,0	15,1	15	3	21
1988	23,3	39,2	4,9	17,3	38,6	21	1	20
1989	28,7	22,9	4,8	8,2	64,1	31	2	15
1990	36,3	25,0	11,8	0	63,2	26	3	0

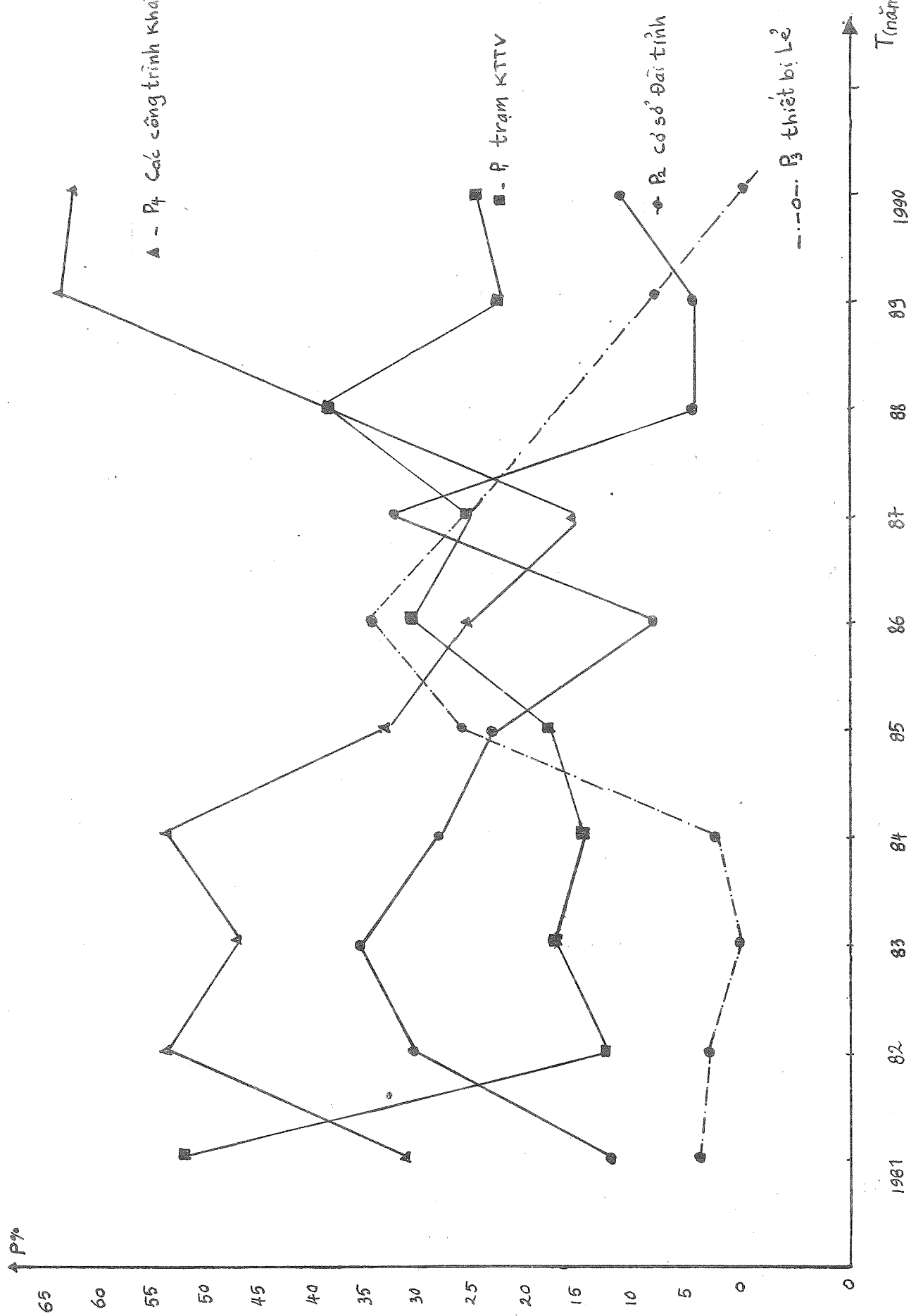
3. Những vấn đề tồn tại, và việc làm chưa tốt

a) Lưới trạm KTTV đã ban hành, khi thực hiện, đã bộc lộ những nhược điểm, cần được tiếp tục nghiên cứu đề bổ khuyết.

b) Việc phân loại trạm đề ưu tiên đầu tư chưa dứt điểm, chưa đi đến kết luận cuối cùng mang tính pháp qui, đề đầu tư thực hiện,

c) Thủ tục xây dựng, từ khâu duyệt luận chứng đến thiết kế, dự toán quá chậm, do qua nhiều tầng, nấc làm trở ngại tiến độ thực hiện.

d) Quản lý vốn đề sử dụng cho công trình chưa được tốt, dẫn đến kém hiệu quả (thủ tục không đủ, nghiệm thu khối lượng XDCB hoàn thành không kịp thời...).



Hình 2. Tỷ lệ đầu tư (P%) cho các loại công trình và cơ sở ðại tính, 1981 - 1990

Ngoài ra, còn có những sai sót trong quản lý, chi đạo, không kịp thời sửa chữa đã làm chậm dây chuyền trong xây dựng. Khâu kiểm tra chất lượng công trình còn yếu, một số công trình mới làm xong đã phải sửa chữa một số hạng mục.

IV — MỘT SỐ SUY NGHĨ, NHẪM THÚC ĐẦY NHANH TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG CƠ BẢN TRONG 5 NĂM (1991-1995)

1. rà soát danh mục trạm KTTV trong qui hoạch đã ban hành, nhằm điều chỉnh cho hợp lý trong quá trình xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư XD CB hàng năm và 5 năm.

2. Tiêu chuẩn hóa các loại trạm KTTV về qui mô, tính bền vững và đồng bộ của công trình đo đạc, quan trắc.

3. Lập thiết kế mẫu, kèm theo tiên lượng từng hạng mục công trình làm cơ sở cho lập dự toán giá trị công trình tại thời điểm lập và triển khai kế hoạch hàng năm (trừ phần móng công trình)

4. Kiện toàn các cơ quan chức năng giúp Tổng cục trong xây dựng kế hoạch, triển khai xây dựng, như: các hội đồng tư vấn thẩm tra LCKTKT, kiểm tra nhà nước về chất lượng công trình XD CB trong Ngành.

5. Cùng với cơ quan chức năng của nhà nước, như Bộ Xây dựng, UBKHNN, Bộ Tài chính, Ngân hàng qui định một số chính sách đặc thù đối với các công trình trạm KTTV, nhằm thỏa mãn yêu cầu, triển khai xây dựng nhanh và có hiệu quả phục vụ cho công tác ĐTCB của Ngành KTTV./.